

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



TRẦN THỊ NHƯ NGUYỆT

**PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG
LẠM DỤNG LAO ĐỘNG TRẺ EM, THỰC TIỄN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

ĐÀ NẴNG, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Đặng Công Cường**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu.....	5
5. Phạm vi nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa của đề tài.....	5
Chương 1. LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG LẠM DỤNG LAO ĐỘNG TRẺ EM.....	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm của lạm dụng lao động trẻ em.....	7
1.1.1. Khái niệm lạm dụng lao động trẻ em.....	7
1.1.2. Đặc điểm của lạm dụng lao động trẻ em.....	7
1.2. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em.....	7
1.2.1. Khái niệm	7
1.2.2. Đặc điểm của pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em	7
1.3. Nội dung của pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em.....	8
1.3.1. Pháp luật quốc tế về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em	8
1.3.2. Pháp luật Việt Nam về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em	8
1.4. Pháp luật một số nước về tuyển dụng, sử dụng lao động trẻ em – Kinh nghiệm Việt Nam có thể tham khảo.....	8
1.4.1. Về độ tuổi lao động tối thiểu.....	9
1.4.2. Điều kiện, thủ tục tuyển dụng lao động trẻ em	9
1.4.3. Những ngành nghề, công việc cấm tuyển dụng lao động trẻ em.....	9
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về phòng, chống lao động trẻ em và thực hiện pháp luật lĩnh vực này	9
1.5.1. Yếu tố kinh tế	9
1.5.2. Yếu tố chính trị.....	9
1.5.3. Yếu tố văn hóa.....	9
1.5.4. Yếu tố pháp luật	9
1.5.5. Yếu tố gia đình	9
1.5.6. Yếu tố xã hội	9

Tiêu kết Chương 1	10
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG LAO ĐỘNG TRẺ EM Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	11
2.1 Thực trạng pháp luật bảo vệ trẻ em.....	11
2.2. Thực trạng pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em.....	11
2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về phòng, chống lao động trẻ em ở thành phố Đà Nẵng.....	11
2.4. Đánh giá thực trạng phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em tại thành phố Đà Nẵng.....	12
2.5. Nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực đến phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em	12
Tiêu kết Chương 2	15
Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG, CHỐNG LẠM DỤNG LAO ĐỘNG TRẺ EM	16
3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em	16
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em	16
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật.....	16
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện	19
3.2.2.1. Giải pháp chung.....	19
3.2.2.2. Giải pháp đặc thù cho thành phố Đà Nẵng	19
Tiêu kết Chương 3	21
KẾT LUẬN	22
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	24

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trẻ em là những công dân đặc biệt được nhà nước, gia đình và xã hội chăm sóc trong môi trường lành mạnh, để phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và quyền trẻ em được sống trong an toàn, hạnh phúc là đảm bảo cho tương lai phát triển bền vững đất nước. Thủ tướng Chính phủ từng nói: trẻ em là những thông điệp sống mà chúng ta gửi gắm vào tương lai. Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em đã và đang được Đảng, Nhà nước hết sức coi trọng và là một nội dung trong lãnh đạo của Đảng. Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 55 năm 2000 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng cơ sở đối với công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Chỉ thị số 20 năm 2012 về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

Nhà nước ta đã phê chuẩn và tham gia Công ước quốc tế về quyền trẻ em và đã ban hành Luật Trẻ em, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, v.v.. Chính phủ đã có Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015; Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020; các địa phương được ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ trẻ em. Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành đã ban hành 22 văn bản quy phạm pháp luật về trẻ em hoặc ban hành văn bản liên quan đến trẻ em. Công tác xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật về trẻ em có thể nói đã công phu, cùng với sự nỗ lực tổ chức thực hiện của Chính phủ, các bộ, ngành, các địa phương, công tác bảo vệ, phòng, chống xâm hại trẻ em đã và đang đạt được nhiều kết quả tích cực.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện việc bảo vệ xâm hại trẻ em vẫn còn những vấn đề bức xúc, những tồn tại, hạn chế, đáng quan tâm. Theo Báo cáo giám sát chuyên đề của Quốc Hội: Tình trạng xâm hại trẻ em vẫn còn diễn ra khá phức tạp và nghiêm trọng, số liệu cho thấy giai đoạn năm 2011-2015 cả nước có 8.200 vụ xâm hại trẻ em và theo báo cáo của Đoàn giám sát từ giai đoạn 2015 đến tháng 6/2019 có 8.422 vụ xâm hại trẻ em. Đây cũng chỉ là phần nổi của tảng băng chìm. Vấn đề trẻ em bị bạo hành, trẻ em lao động không đúng quy định pháp luật, theo báo cáo giám sát cũng chỉ ra còn có 790.518 trẻ em lao động không đúng quy định pháp luật. Trẻ em đi làm cũng vẫn là một vấn đề để phụ giúp thêm gia đình, có

trường hợp còn là trụ cột, vì cha mẹ mất hoặc bị bỏ rơi, đó là một thực trạng, một thực tế dù chúng ta không mong muốn. Tuy nhiên, vấn đề đáng quan tâm, đáng lưu ý là không để trẻ em bị bóc lột sức lao động. Một kết quả khảo sát cho thấy mức lương của một cơ sở may trả cho một trẻ em là 15 triệu/ một năm, với điều kiện làm việc 3 ca/một ngày, từ 7 giờ đến 12 giờ, từ 13 giờ đến 20 giờ và từ 20 giờ 30 đến 23 giờ; tiền công cho trẻ em làm việc tại một quán ăn là 1,8 đến 2 triệu đồng/ một tháng và thường phải làm việc từ 11 đến 12 tiếng, thậm chí là 16 tiếng/một ngày. Lao động như thế đã phải bóc lột hay không, là vấn đề mà báo cáo cần làm rõ để có giải pháp bảo vệ và ngăn ngừa. Trẻ bị xâm hại sẽ để lại di chứng nặng nề và rất lâu dài.

Thực trạng trên cho thấy góc nhìn của vấn đề cũng như mối nguy hiểm có thể rình rập các em bất kỳ nơi nào. Đây là nơi an toàn cho trẻ em vẫn là câu hỏi, là vấn đề mà chúng ta phải suy nghĩ, quan tâm. Ở nhà cũng không an toàn, nhiều nạn nhân bị xâm hại ngay tại chính nhà của mình. Trẻ em không chỉ bị xâm hại ở nông thôn mà ở đô thị, trong thang máy chung cư, công viên, trường học mà ngay cả trung tâm bảo trợ xã hội, nơi tưởng như chỉ để bảo vệ trẻ em mà trẻ em vẫn bị xâm hại.

Chính vì những nguyên do trên, tác giả chọn đề tài “Pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em, thực tiễn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng” làm luận văn thạc sĩ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Vấn đề trẻ em, bảo đảm quyền của trẻ em là chủ đề được nhiều cơ quan, tổ chức và các nhà khoa học trong nước và quốc tế quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Nhiều công trình khoa học nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến trẻ em, bảo đảm quyền của trẻ em đã được công bố, chủ yếu tập trung vào những vấn đề chính qua một vài công trình nghiên cứu tiêu biểu như:

- “Quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam của Vụ Pháp luật hình sự hành chính” (2005); Bộ Tư pháp và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc UNICEF, Quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam, NXB Tư pháp, Hà Nội. Đây là cuốn sách được xây dựng dưới hình thức hỏi, đáp dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam về những vấn đề cụ thể, thiết thực, trực tiếp liên quan đến quyền trẻ em. Cuốn sách này chia làm hai phần gồm: Phần thứ nhất là các câu hỏi, đáp

về những quyền cơ bản của trẻ em; Phần thứ hai đề cập đến những vấn đề về bảo vệ trẻ em trong pháp luật xử lý vi phạm hành chính, hình sự và tố tụng hình sự.

- “Quyền trẻ em” (2003) của Trung tâm Nghiên cứu quyền con người, UNICEF. Tài liệu này cung cấp một khối lượng kiến thức tương đối toàn diện và chuyên sâu về quyền trẻ em cho những người làm công tác giảng dạy, tuyên truyền và nghiên cứu về quyền trẻ em. Nội dung tài liệu bao gồm những kiến thức trực tiếp về quyền trẻ em, đề cập tới tình hình thực hiện quyền trẻ em trên thế giới và Việt Nam và một số kỹ năng hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực quyền trẻ em.

- "Báo cáo nghiên cứu vai trò của Hội Bảo vệ trẻ em Việt Nam và các tổ chức xã hội trong việc giám sát thực thi quyền trẻ em của các cơ quan quản lý Nhà nước" của tác giả Đỗ Thị Ngọc Phương, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam, Save the Children, Hà Nội. Báo cáo nghiên cứu này đã đánh giá thực trạng giám sát thực hiện quyền trẻ em của Hội Bảo vệ trẻ em Việt Nam và một số tổ chức xã hội; những mặt mạnh, mặt yếu của vai trò này trong thực tiễn và nguyên nhân. Đánh giá mối liên hệ giữa năng lực giám sát của các tổ chức xã hội và trách nhiệm thực thi quyền trẻ em của các cơ quan quản lý Nhà nước.

- "Báo cáo đánh giá năng lực bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng tại Việt Nam" của Dorothea Czarnecki (2016). Đây là báo cáo do nhóm nghiên cứu của UNICEF và Bộ Lao động Thương Binh Xã hội thực hiện. Báo cáo này đã có những đánh giá khá toàn diện về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng ở Việt Nam. Về lý thuyết, báo cáo đã đưa ra khung khái niệm, phương pháp luận và các định nghĩa theo quốc tế và Việt Nam về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng. Báo cáo cũng đã đánh giá về năng lực, chính sách pháp luật bảo vệ trẻ em và vai trò, trách nhiệm của hệ thống bảo vệ trẻ em. Báo cáo này cũng đã đưa ra các kết luận và khuyến nghị về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng ở Việt Nam theo năng lực phòng ngừa tích cực và năng lực bảo vệ tích cực.

- “Báo cáo đánh giá dự án Ngăn ngừa người chưa thành niên vi phạm pháp luật và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng” của của Tổ chức Plan Việt Nam (2011). Báo cáo này đã tiến hành nghiên cứu, đánh giá về tình hình ngăn ngừa trẻ em, người chưa thành niên vi phạm pháp luật ở các hoạt động như: đào tạo nghề, các hoạt động nâng cao nhận thức ở cộng đồng, giáo dục và phổ biến pháp luật ở trường học, hỗ trợ cha mẹ, hoạt động vui chơi giải trí, điều kiện sinh hoạt và y tế tại các trường giáo dưỡng, các chương trình trong trường giáo dưỡng, tái hòa nhập

xã hội của người chưa thành niên vi phạm pháp luật, điều tra và xét xử thân thiện, vận động chính sách và cải cách hệ thống tư pháp người chưa thành niên.

- “Bảo vệ trẻ em trong pháp luật Việt Nam về phòng, chống bạo lực gia đình” (2014) của Nguyễn Thanh Hương, luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn đã nghiên cứu về vấn đề bảo vệ trẻ em trong luật phòng, chống bạo lực gia đình, tìm ra những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng những quy định này trên thực tế, từ đó đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật với vấn đề bảo vệ trẻ em, nhằm bảo vệ trẻ em trong gia đình trước các hành vi bạo lực.

- “Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam” (2014) của Trần Hưng Bình, luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội. Luận án đã đi sâu làm rõ lý luận quyền của NCTN nói chung và quyền, lợi ích hợp pháp của NCTN trong tố tụng hình sự nói riêng. Kết quả của luận án đã giải quyết được vấn đề hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự cũng như góp phần thay đổi nhận thức của NCTN, các cơ quan và người tiến hành tố tụng, gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội.

- “Bảo vệ trẻ em bằng hệ thống tư pháp hình sự ở Việt Nam” (2015) của Lê Thị Nga, luận án tiến sĩ Luật học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội. Tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận về bảo vệ trẻ em bằng hệ thống tư pháp hình sự; đánh giá thực trạng bảo vệ trẻ em bằng hệ thống tư pháp hình sự ở Việt Nam hiện nay và nêu các quan điểm, đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm bảo vệ trẻ em bằng hệ thống tư pháp hình sự.

Nhìn chung, số lượng các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài khóa luận rất phong phú và đa dạng, được tiếp cận từ nhiều hướng với các mức độ liên quan khác nhau do tầm quan trọng của bảo đảm quyền trẻ em được cộng đồng quốc tế quan tâm và ở trong nước.

Mặc dù đã được nghiên cứu, phân tích và đánh giá về phương diện lý luận, cũng như thực tiễn thực hiện pháp luật bảo vệ trẻ em, việc nghiên cứu và đánh giá pháp luật phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em ở Việt Nam nói chung, ở Đà Nẵng nói riêng vẫn chưa được thực hiện đầy đủ nên cần được tiếp tục nghiên cứu.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Xây dựng giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em và nâng cao hiệu quả phòng, chống vấn nạn này ở Việt Nam nói chung, Đà Nẵng nói riêng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Hệ thống hoá cơ sở lý luận về pháp luật phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em;

Khái quát pháp luật bảo vệ trẻ em nói chung, pháp luật phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em nói riêng;

Đánh giá thực trạng pháp luật, thực tiễn phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em và nguyên nhân của bất cập;

Xây dựng giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả của hoạt động này ở Việt Nam nói chung, Đà Nẵng nói riêng

4. Phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Các vấn đề khoa học của Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích – tổng hợp được sử dụng để phân tích đặc điểm của lạm dụng lao động trẻ em, pháp luật phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em và các yếu tố tác động đến phòng, chống lao động trẻ em trong Chương 1, đánh giá thực trạng phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em ở Chương 2 và giải pháp trong Chương 3

- Phương pháp phân tích luật viết được sử dụng chủ yếu ở Chương 2 để làm rõ thực trạng pháp luật đặc biệt là một số bất cập của pháp luật phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em;

- Phương pháp so sánh luật được sử dụng trong Chương 1 để rút ra những kinh nghiệm có thể tham khảo từ pháp luật một số quốc gia về lĩnh vực này

5. Phạm vi nghiên cứu

Thời gian: Từ năm 2015 đến nay

Không gian: Thực tiễn thực hiện pháp luật được sử dụng và đánh giá trong Luận văn chủ yếu diễn ra trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

6. Ý nghĩa của đề tài

Ý nghĩa về lý luận: Hệ thống hoá được cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn của pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em;

Ý nghĩa về thực tiễn: Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em ở Việt Nam nói chung, Đà Nẵng nói riêng; Giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em.

7. Kết cấu của Luận văn

Chương 1. Lý luận về pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em ở thành phố Đà Nẵng

Chương 3. Phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em.

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG LẠM DỤNG LAO ĐỘNG TRẺ EM

1.1. Khái niệm, đặc điểm của lạm dụng lao động trẻ em

1.1.1. Khái niệm lạm dụng lao động trẻ em

Như vậy, lạm dụng lao động trẻ em là hành vi của người sử dụng lao động (cá nhân, tổ chức) khiến cho trẻ em không thể thụ hưởng được các quyền của mình hoặc hành vi bắt buộc trẻ tham gia vào những công việc bị pháp luật cấm.

1.1.2. Đặc điểm của lạm dụng lao động trẻ em

Lạm dụng lao động trẻ em là hành vi trái pháp luật do cá nhân, tổ chức thực hiện.

Chủ thể có thể thực hiện hành vi lạm dụng lao động trẻ em rất phong phú, đa dạng, có thể cả những người thân thiết nhất của trẻ em (bố, mẹ, người thân trong gia đình).

Bên cạnh yếu tố lỗi, mục đích và động cơ của hành vi là những khía cạnh tâm lý được pháp luật quy định để xác định dấu hiệu bắt buộc của lạm dụng lao động trẻ em.

Lạm dụng lao động trẻ em là hành vi xâm hại nghiêm trọng đến các quyền của trẻ em.

1.2. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em

1.2.1. Khái niệm

Như vậy, pháp luật phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em là tổng thể các quy phạm được ghi nhận trong pháp luật quốc tế, pháp luật quốc gia điều chỉnh các quan hệ giữa người sử dụng lao động với trẻ em nhằm bảo đảm người sử dụng lao động tôn trọng các quyền của trẻ em, bảo đảm trẻ em có môi trường lành mạnh để phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.

1.2.2. Đặc điểm của pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em

Pháp luật phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em có phạm vi điều chỉnh rộng, bao gồm cả những quan hệ bên trong hoạt động lao động và quan hệ bên ngoài hoạt động lao động.

Pháp luật phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em có nguồn luật đa dạng, không chỉ các quy phạm pháp luật của quốc gia mà còn cả các quy phạm của các điều ước quốc tế, đặc biệt các điều ước quốc tế về quyền trẻ em, điều ước quốc tế bảo vệ quyền trẻ em và cả điều ước quốc tế về quan hệ lao động có liên quan đến trẻ em.

Pháp luật phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em được ghi nhận trong nhiều văn bản luật ở các lĩnh vực pháp luật khác nhau. Ngoài các quy định trong Bộ luật Lao động, phòng và chống lạm dụng lao động trẻ em còn được quy định trong các văn bản xử lý vi phạm hành chính, Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Luật bảo vệ quyền trẻ em cũng quy định rõ các giới hạn và cấm các hành vi lạm dụng lao động trẻ em.

Phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em được pháp luật sử dụng nhiều loại chế tài pháp lý khác nhau. Người lạm dụng lao động trẻ em có thể bị truy cứu trách nhiệm pháp lý hành chính, tranh nhiệm pháp lý hình sự. Nếu gây ra thiệt hại thì bị buộc phải bồi thường về tài sản và tinh thần cho trẻ em, gia đình của trẻ. Ngoài ra, người lạm dụng lao động trẻ em sẽ bị xã hội, cộng đồng lên án gay gắt.

1.3. Nội dung của pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em

1.3.1. Pháp luật quốc tế về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em

1.3.2. Pháp luật Việt Nam về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em

- Pháp luật lao động
- Pháp luật hành chính
- Bộ luật Hình sự

1.4. Pháp luật một số nước về tuyển dụng, sử dụng lao động trẻ em – Kinh nghiệm Việt Nam có thể tham khảo

Để nội luật hóa nội dung hai Công ước này, nhiều quốc gia đã có những cách thức khác nhau để quy định thành các văn bản pháp luật nhằm bảo vệ trẻ em khỏi bị lạm dụng, bóc lột sức lao động. Nhìn chung, nội dung các văn bản pháp luật của các quốc gia như Anh, Mỹ, Canada, Hàn Quốc, Philipine, Nepal, Trung Quốc... thường đề cập đến độ tuổi tối thiểu mà trẻ em được tham gia lao động; điều kiện, thủ tục tuyển dụng và những trường hợp, ngành nghề, công việc không được sử dụng trẻ em lao động. Cụ thể:

1.4.1. Về độ tuổi lao động tối thiểu

1.4.2. Điều kiện, thủ tục tuyển dụng lao động trẻ em

1.4.3. Những ngành nghề, công việc cấm tuyển dụng lao động trẻ em

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về phòng, chống lao động trẻ em và thực hiện pháp luật lĩnh vực này

1.5.1. Yếu tố kinh tế

1.5.2. Yếu tố chính trị

1.5.3. Yếu tố văn hóa

1.5.4. Yếu tố pháp luật

1.5.5. Yếu tố gia đình

1.5.6. Yếu tố xã hội

Tiểu kết Chương 1

Lạm dụng lao động trẻ em là hành vi bị pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia của đa số các nước cấm. Trong pháp luật Việt Nam, cấm lạm dụng lao động trẻ em được ghi nhận không chỉ bởi Hiến pháp, pháp luật lao động mà còn được quy định trong các văn bản pháp luật hành chính, hình sự. Bên cạnh đó, pháp luật định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội trong việc phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em. Mặc dù, pháp luật quy định tương đối toàn diện, các cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội tích cực tham gia, việc phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ đáng lo ngại bởi hoạt động này chịu sự tác động của nhiều yếu tố kinh tế, chính trị và xã hội, đồng thời pháp luật về lĩnh vực này vẫn còn những khoảng trống chưa được khắc phục

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG LAO ĐỘNG TRẺ EM Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1 Thực trạng pháp luật bảo vệ trẻ em

2.2. Thực trạng pháp luật về phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em

2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về phòng, chống lao động trẻ em ở thành phố Đà Nẵng

Thành phố Đà Nẵng có hơn 235.000 trẻ em dưới 16 tuổi, chiếm tỷ lệ 18,8% dân số. Trong đó, có gần 2.800 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm trẻ em mồ côi cha và mẹ, không nơi nương tựa, khuyết tật... và 16.000 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, sống trong gia đình nghèo và cận nghèo, gia đình có vấn đề xã hội.

Trong thời gian qua, các ngành, đoàn thể, địa phương đã tăng cường tổ chức truyền thông tại cộng đồng, trường học cho hơn 40.000 người lớn và trẻ em về Luật trẻ em, kỹ năng phòng chống bạo lực trẻ em, phòng chống mua bán và xâm hại tình dục trẻ em. Đồng thời, phối hợp triển khai các hoạt động, diễn đàn trẻ em nhằm thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em; vận động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân hỗ trợ thực hiện các chương trình bảo vệ chăm sóc và giáo dục, giúp các em vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống thông qua các mô hình “Câu lạc bộ sống độc lập”, “Xã phường làm tốt công tác xã hội với trẻ em”; xây dựng mạng lưới bảo vệ trẻ em và ngăn ngừa trẻ em bỏ học dựa vào gia đình và cộng đồng...

Bên cạnh chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hàng tháng cho gần 200 trẻ em mồ côi, cấp thẻ BHYT miễn phí cho trẻ em khuyết tật, công tác chăm sóc và giáo dục, tổ chức các hoạt động vui chơi, thể dục thể thao nhằm tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, an toàn cho trẻ em luôn được chú trọng. Các ngành đã tổ chức nhiều diễn đàn, đối thoại giữa thiếu nhi thành phố, định hướng cho thiếu nhi tham gia các trò chơi trực tuyến có ý nghĩa giáo dục, lành mạnh, tránh xa các trò chơi bạo lực, phản văn hóa... đồng thời kêu gọi các tổ chức tham gia các chương trình tài trợ cho thiếu nhi, triển khai chương trình “Đề án sữa học đường” cho gần 43.000 trẻ mầm non, trường chuyên biệt và các cơ sở trợ giúp xã hội,...

Tuy nhiên, tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, nhất là suy dinh dưỡng thể thấp còi vẫn còn ở mức cao. Công tác quản lý nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục còn bất cập; tình trạng bạo lực, xâm hại trẻ em tại nhóm trẻ gia đình vẫn còn xảy ra, gây bức xúc dư luận. Hoạt động công tác xã hội trong trường học chưa được quan tâm đúng mức, môi trường sống của trẻ em tại gia đình, nhà trường, cộng đồng chưa thật sự an toàn. Tai nạn giao thông cũng như tình hình dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm đang ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của trẻ em.¹

2.4. Đánh giá thực trạng phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em tại thành phố Đà Nẵng

So với một số địa phương khác, hoạt động phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em ở Đà Nẵng đã phát huy được hiệu quả trong thực tế. Trong hơn 10 năm (2010-2020), chưa có vụ việc nào lạm dụng lao động trẻ em nghiêm trọng được phát hiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em ở Đà Nẵng vẫn còn gặp một số hạn chế nhất định:

- Nhiều chính sách, chương trình chưa đáp ứng được nhu cầu cụ thể của trẻ em hoặc chưa mang lại những kết quả tốt nhất có thể cho tất cả trẻ em, việc giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền trẻ em vẫn có HCĐB còn hạn chế.

- Tình trạng xâm hại, bạo lực đối với trẻ em trong gia đình, cộng đồng và nhà trường ngày càng nghiêm trọng.

- Nền giáo dục còn nhiều hạn chế, như cơ sở vật chất của nhà trường còn thiếu, phương pháp giáo dục chậm đổi mới, đội ngũ giáo viên còn thiếu và yếu chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, giáo dục hòa nhập cho trẻ em có HCĐB. Tình trạng xuống cấp trong giáo dục ở học đường nhất là ý thức đạo đức, bổn phận của trẻ em trong nhà trường. Vẫn còn những cơ sở tham gia giáo dục hòa nhập chưa bảo đảm chất lượng và cơ sở vật chất còn thiếu thốn...

2.5. Nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực đến phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em

Sự lạm dụng lao động trẻ em xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó phải kể đến một số nguyên nhân cơ bản dưới đây:

¹ https://danang.gov.vn/chinh-quyen/chi-tiet?id=34822&_c=3

- Một là, độ tuổi trẻ em trong luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em chưa thống nhất với quy định về của lao động chưa thành niên trong Bộ luật lao động và độ tuổi trẻ em theo quy định của tổ chức ILO vì vậy các cơ quan chức năng gặp nhiều khó khăn trong việc theo dõi, kiểm soát, thống kê và đánh giá về lao động trẻ em.

- Hai là, hệ thống pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể về quyền hạn, trách nhiệm của các chủ thể quản lý trong việc phòng ngừa, xóa bỏ lao động trẻ em; còn thiếu những quy định cụ thể về cơ chế phát hiện, tố giác, xử lý vi phạm lao động trẻ em.

- Ba là, việc xử lý những trường hợp lạm dụng lao động trẻ em còn nhẹ, chủ yếu mới dừng lại ở mức xử phạt hành chính, rất ít vụ bị xử lý hình sự do vi phạm pháp luật lao động trẻ em. Chính quyền địa phương còn chậm phát hiện và xử lý những trường hợp sử dụng lao động trẻ em, chỉ những vụ việc xảy ra hậu quả nghiêm trọng mới được bị phát hiện và xử phạt.

Bốn là, các cơ quan chức năng còn gặp khó khăn trong việc xử lý những cơ sở sử dụng lao động trẻ em vì người sử dụng lao động không xuất trình được giấy tờ tùy thân của lao động trẻ em, nên chỉ căn cứ vào lời khai của các bên liên quan để xác định độ tuổi của các em.²

- Năm là, việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các nội dung của pháp luật về quyền trẻ em và lạm dụng lao động trẻ em tới người dân, gia đình nói riêng và cộng đồng chưa đạt hiệu quả cao. Cho nên việc nhận thức của cộng đồng về quyền và ý nghĩa của việc bảo đảm quyền trẻ em chưa được nâng cao.

- Sáu là, thiếu các thống kê cụ thể về số lượng, tình hình trẻ em bị lạm dụng lao động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, dẫn đến những khó khăn trong việc phân tích, đánh giá, can thiệp nhằm kịp thời đảm bảo quyền của trẻ em, phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em.

- Bảy là, các cơ quan quản lý Nhà nước vẫn còn bị động trong các tác quản lý, cũng như phối hợp xây dựng các chương trình hành động, thiếu các văn bản chuyên môn để đưa pháp luật vào đời sống.

- Tám là, đối với gia đình, tình trạng buông lỏng giáo dục từ trong đời sống gia đình, do nhận thức của nhiều bậc cha mẹ còn yếu kém như cha mẹ mãi mê với

² Hoàng Thị Kim Quế, đề tài NCKH - Mã số NQ0809 - ĐHQGHN - hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương. P.T.L. Phương / Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 30, Số 4 (2014) 58-64 63

công việc không quan tâm đến con hoặc do phong tục tập quán hoặc cha mẹ ly hôn, tù tội... mà xem nhẹ việc chăm sóc, giáo dục con em mình.

- Chín là, kinh tế gia đình cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến quyền của trẻ em như nhiều trẻ em có khả năng và ham muốn học nhưng không được đi học do gia đình nghèo không có tiền đóng học phí hay các khoản tiền khác mà nhà trường yêu cầu. Hay trẻ bị bệnh nhưng gia đình không có tiền để trả viện phí hoặc tiền thuốc trị bệnh cho trẻ. Bên cạnh đó, mặt trái của cơ chế thị trường, đặc biệt là sự lan truyền của văn hóa phẩm độc hại, ... làm tăng những nguy cơ xâm hại trẻ em, ảnh hưởng tới quá trình giáo dục trẻ em thành những công dân tốt.

- Mười là, nguồn lực đầu tư của Nhà nước và tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em còn chưa thích đáng. Do đó, khả năng phòng ngừa, phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em cũng như công tác giáo dục, phục hồi, hòa nhập cộng đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chưa hiệu quả.

- Mười một là, UBND thành phố giao Sở Lao động – Thương binh và xã hội theo dõi, quản lý nhà nước lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên địa bàn, ở cấp quận, huyện tại Phòng Lao động – Thương binh và xã hội có 01 cán bộ phụ trách; cấp phường giao cho cán bộ lao động thương binh và xã hội phụ trách; cấp tổ dân phố có 240 cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Mặc dù hàng năm số cán bộ mới đều được tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ nhưng do cán bộ phải kiêm nhiệm, hoặc chưa bố trí rõ ràng cán bộ phụ trách, chịu trách nhiệm về trẻ em nên tình hình hoạt động, chế độ báo cáo chưa nghiêm túc, làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của lĩnh vực trẻ em trên địa bàn thành phố.

Tiểu kết Chương 2

Nội dung chương này, tác giả đã phân tích thực trạng bảo vệ, chăm sóc trẻ em nói chung và phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em nói riêng ở thành phố Đà Nẵng trong những năm gần đây. Từ đó chỉ ra những ưu điểm và hạn chế, nêu ra những nguyên nhân chủ yếu của thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em, gồm:

Thứ nhất, công tác phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã có những bước đột phá mới: Hệ thống pháp luật liên quan đến quyền của trẻ em được đưa vào cuộc sống làm cho quyền và nhu cầu được chăm sóc, bảo vệ và giáo dục của trẻ em được tôn trọng; các yếu tố tác động đến năng lực, hiệu quả của phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em cũng được nâng lên đáng kể; huy động được sự ủng hộ của nhiều cá nhân, tổ chức xã hội trong và ngoài nước quan tâm chăm lo cho trẻ em và phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em.

Thứ hai, việc phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em trên địa bàn Thành phố vẫn còn gặp một số hạn chế nhất định: Nhiều chính sách, chương trình chưa đáp ứng được nhu cầu cụ thể của trẻ em hoặc chưa mang lại những kết quả tốt nhất có thể cho tất cả trẻ em; hệ thống pháp luật qui định về quyền trẻ em còn tản mạn, phân tán, nhiều qui định còn mang tính nguyên tắc hay định hướng chung, thiếu cụ thể; tình trạng xâm hại, bạo lực đối với trẻ em trong gia đình, cộng đồng và nhà trường ngày càng nghiêm trọng ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển tâm lý, thể chất và sự duy trì các chức năng tâm lý, xã hội của trẻ,...

Việc đánh giá toàn diện thực trạng bảo đảm các quyền trẻ em sẽ là cơ sở thực tiễn để thực hiện việc đề xuất quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em ở Việt Nam nói chung, thành phố Đà Nẵng nói riêng.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG, CHỐNG LẠM DỤNG LAO ĐỘNG TRẺ EM

3.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em

Thứ nhất, pháp luật và hoạt động phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em cần được hoàn thiện và triển khai thực hiện thống nhất với quan điểm “Trẻ em là bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển con người của Việt Nam” của Đảng cộng sản Việt Nam.

Thứ hai, ưu tiên nguồn lực thực hiện chính sách và pháp luật cần được quán triệt toàn diện ở các cấp chính quyền

Thứ ba, phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em là hoạt động thường xuyên và có tính chiến lược lâu dài

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

Với quy định của pháp luật hiện hành, điều chỉnh trong lĩnh vực bảo đảm quyền trẻ em, đặc biệt là bảo đảm quyền của trẻ em có HCĐB đang dần không còn phù hợp trong điều kiện phát triển của đất nước, cũng như trong quá trình hội nhập quốc tế. Do vậy, trong tương lai để bảo đảm đầy đủ các quyền trẻ em trong giáo dục phù hợp với thực tiễn và pháp luật quốc tế, cần tiếp tục tiến hành việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật trên phương hướng sau:

Trước tiên cần có sự thống nhất về độ tuổi của trẻ em. Trong hệ thống pháp luật hiện hành của nước ta, có rất nhiều đạo luật đề cập tới trẻ em nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cũng như sự ưu đãi nhất định cho các em trong các lĩnh vực đời sống xã hội. Tuy nhiên, cũng chính trong các đạo luật này, độ tuổi của trẻ em lại đang có sự khác biệt nhau khá nhiều. LHN - GD xác định độ tuổi con nuôi là 15 tuổi trở xuống, BLHS qui định NCTN là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, BLLĐ qui định người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi và khái niệm trẻ em được hiểu là người chưa đủ 15 tuổi, Luật Xử lý vi phạm hành chính qui định người từ đủ 14 tuổi trở lên có thể bị xử phạt vi phạm hành

chính. Trong pháp luật Việt Nam hiện nay, về độ tuổi trẻ em trong LTE 2016 quy định độ tuổi trẻ em dưới 16 tuổi, điều này là không phù hợp với độ tuổi của trẻ em, CUQTVQTE quy định “Trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi”. Việc quy định độ tuổi trẻ em từ 16 lên từ dưới 18 tuổi là phù hợp dưới góc độ khoa học, vì 18 là ranh giới hợp lý giữa trẻ em và người trưởng thành cả về thể chất và nhận thức của não bộ³. Vì vậy, việc xem xét nâng độ tuổi trẻ em từ dưới 16 tuổi lên dưới 18 tuổi là cần thiết, phù hợp với Công ước quốc tế và đem lại những lợi ích tốt nhất cho trẻ em. Để thống nhất độ tuổi gọi là trẻ em trong các văn bản pháp luật ở nước ta, các cơ quan chức năng cần rà soát, hệ thống hóa các văn bản luật, đề xuất một độ tuổi thống nhất để sửa dụng các thuật ngữ pháp lý cho phù hợp. Có thể theo phương án, một luật sửa đổi nhiều luật, cụ thể là Luật sửa đổi, bổ sung một số quy định của các luật liên quan đến độ tuổi trẻ em⁴.

Thứ hai, hình thành một hệ thống pháp luật bao gồm các quy định toàn diện đồng bộ, cụ thể và có tính khả thi. Quyền của trẻ em có HCĐB liên quan đến hầu hết các lĩnh vực trong đời sống xã hội và đang được xã hội hóa. Vì vậy phải xác định hệ thống pháp luật là nền tảng pháp lý cho việc bảo đảm quyền của trẻ em có HCĐB. Tính ràng buộc của pháp luật là cơ sở để toàn xã hội hành động để bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có HCĐB.

Thứ ba, các quy định của pháp luật phải hướng đến thể hiện được đầy đủ quyền của trẻ em có HCĐB, tránh tình trạng coi trẻ em là các chủ thể thụ động và chỉ chú ý đến các quyền mà người lớn dành cho trẻ em, xem nhẹ các quyền do chính trẻ em thực hiện. Mặt khác, các qui định của pháp luật cần phải được cụ thể, tránh tình trạng quy định của pháp luật mang tính định hướng, chung chung dẫn tới khó áp dụng trên thực tế làm giảm hiệu quả của hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

Thứ tư, các qui định của pháp luật liên quan đến quyền của trẻ em có HCĐB phải thể hiện sự thống nhất, không mâu thuẫn, chòng chéo giữa Luật Bảo vệ và chăm sóc trẻ em với các luật khác hoặc giữa Luật với các văn bản dưới luật. Yêu

³ Jay N. Giedd, Jonathan Blumenthal et al, Neal O. Jeffries, ‘Brain Development during Childhood and Adolescence: A Longitudinal MRI Study, https://www.researchgate.net/publication/12807832_Brain_Development_during_Childhood_and_Adolescence_A_Longitudinal_MRI_Study/link/0046351b08eef02d5a000000/download>; truy cập ngày 05/3/2020

⁴ Nguyễn Thị Hồng Loan (2011), “Vấn đề bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam – thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Nam”, tr.56

cầu này nhằm tạo ra một hệ thống các quy định thống nhất tạo tiền đề cho việc thực hiện và áp dụng một cách có hiệu quả.

Thứ năm, phải nhận thức rằng trẻ em không chỉ là chủ thể tiếp nhận quyền một cách bị động mà phải nhìn nhận trẻ em là những chủ thể chủ động trong việc tiếp nhận quyền. Vì vậy hoàn thiện việc bảo đảm quyền của trẻ em có HCĐB không có nghĩa là xem nhẹ vai trò của chính trẻ em.

Thứ sáu, trẻ em có HCĐB được pháp luật trao cho các quyền. Tuy nhiên các quyền này chủ yếu được thực hiện thông qua việc tạo môi trường và điều kiện của người lớn. Điều đó nhấn mạnh rằng vai trò, trách nhiệm quan trọng của gia đình, nhà trường và xã hội đối với việc bảo đảm quyền của trẻ em có HCĐB.

Thứ bảy, Để ngăn chặn tình trạng lạm dụng lao động trẻ em một cách hiệu quả cần phải kết hợp đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau. Trong nhiều nguyên nhân dẫn đến lạm dụng lao động trẻ em là do gia đình khó khăn về kinh tế nên cho con nghỉ học để đi làm, trẻ em học kém nên bỏ học đi làm, người sử dụng lao động vì lợi nhuận nên lạm dụng lao động trẻ em. hết phải kể đến việc hoàn thiện các quy định pháp luật về lao động trẻ em, cụ thể như sau: Cần mở rộng phạm vi điều chỉnh của Điều 164 Luật Lao động năm 2012 về sử dụng lao động trẻ em, theo đó nội dung các quy định trong điều luật này không chỉ nhằm bảo vệ nhóm người lao động từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi mà còn bảo vệ cả nhóm người lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 16 tuổi. Như vậy mới đảm bảo sự phù hợp với các quy định về độ tuổi được coi là trẻ em trong Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Bên cạnh đó, cũng cần nghiên cứu bổ sung thêm vào khoản 2 Điều 164 Bộ luật Lao động năm 2102 về điều kiện, quy trình tuyển dụng lao động trẻ em. Theo đó, cơ sở sử dụng lao động trẻ em phải làm đơn gửi cơ quan chức năng xin phép được tuyển dụng trẻ em vào làm việc, phải được xác nhận là công việc phù hợp với trẻ em và đảm bảo phải có sự đồng ý của cha mẹ trẻ em hoặc người giám hộ và cơ quan nhà nước thì mới được phép sử dụng lao động trẻ em. Ngoài ra cần có những biện pháp chế tài nghiêm khắc hơn nữa đối với những trường hợp sử dụng lao động trẻ em trái pháp luật; bổ sung các quy định cụ thể về trách nhiệm pháp lý của các tổ chức, cá nhân có lỗi trong việc để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật lao động về sử dụng lao động trẻ em trong các văn bản pháp luật chuyên ngành. Đồng thời cần có bộ quy trình quản lý, đánh giá về lao động trẻ em để hướng dẫn thực hiện tại các địa phương...

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện

3.2.2.1. Giải pháp chung

3.2.2.2. Giải pháp đặc thù cho thành phố Đà Nẵng

Bên cạnh những thành tựu đạt được, thực trạng đời sống của trẻ em có HCĐB tại thành phố Đà Nẵng vẫn còn nhiều bất cập cần được cải thiện, các nguy cơ tiềm ẩn lạm dụng lao động trẻ em vẫn có xu hướng phát triển. Để nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền của trẻ em nói chung, phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em nói riêng ở Đà Nẵng chính quyền địa phương và xã hội phải có những hành động cụ thể và đồng bộ với các giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục triển khai và thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu nhiệm vụ cụ thể đã đề ra theo Kế hoạch số 4352/KH-UBND ngày 6/7/2020 của UBND thành phố về việc hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ thành phố đến cơ sở về công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em

Thứ hai, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, vận động xã hội bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em với sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức quốc tế và trẻ em. Tiếp tục thực hiện phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục bậc tiểu học và bậc THCS. Trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế. Trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh và bệnh hiểm nghèo được hỗ trợ một phần để điều trị bằng các phương pháp chất lượng cao và tiên tiến; phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thứ ba, phối hợp tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng làm việc với trẻ em có HCĐB; kỹ năng xây dựng, tham mưu kế hoạch thực hiện và các hoạt động khác về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho cán bộ Lao động – Thương binh và Xã hội các phường, đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại cơ sở. Đồng thời thành phố Đà Nẵng cần quan tâm tăng thêm nguồn lực cho công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em, tương xứng với số lượng, nhu cầu ngày càng tăng của trẻ em trên địa bàn thành phố.

Thứ tư, duy trì và củng cố bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có HCĐB dựa vào cộng đồng như: mô hình trợ giúp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi không

nơi nương tựa, trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng; mô hình phòng ngừa trợ giúp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; các câu lạc bộ trẻ em trên địa bàn.

Thứ năm, UBND thành phố Đà Nẵng cần chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng các mô hình mới phù hợp với tâm tư nguyện vọng của trẻ em trong thời đại công nghệ số, trang bị kỹ năng cho các trẻ em phòng chống đuối nước, phòng chống tai nạn thương tích, tuyên truyền về phòng, chống ma túy,...

Thứ sáu, tăng cường kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình triển khai các chương trình, kế hoạch nhằm đảm bảo quyền của trẻ em. Công tác này cần được tiến hành thường xuyên và liên tục để kịp thời uốn nắn, nhắc nhở điều chỉnh, tránh trường hợp để khi xảy ra sự việc mới tiến hành thanh tra, kiểm tra.

Thứ bảy, mặc dù trong thời gian qua số lượng các vụ việc xử lý hình sự và hành chính trên địa bàn thành phố Huế không nhiều, tuy nhiên cần làm tốt công tác xử lý tin báo tố giác tội phạm trên địa bàn thành phố, để có sự can thiệp kịp thời để bảo vệ tốt cho trẻ bị xâm hại.

Thứ tám, huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em như: hội thi, diễn đàn, hội diễn văn nghệ, câu lạc bộ... Xây dựng các điểm vui chơi có cơ chế quản lý, nâng cấp đảm bảo phục vụ trẻ em có hiệu quả. Đẩy mạnh chương trình khuyến học, khuyến tài, vận động và sử dụng các loại Quỹ "Một ngày công vì tuổi thơ", Quỹ bảo trợ trẻ em... tổ chức các hoạt động có ý nghĩa thiết thực cho trẻ em có HCĐB, tặng quà trong dịp cao điểm tháng hành động vì trẻ em, Tết Trung thu, Tết Nguyên đán,...

Tiểu kết Chương 3

Trong những năm qua Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, phòng và chống lạm dụng lao động trẻ em. Mặc dù vậy, bên cạnh những thành công vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế và thách thức nhất định liên quan đến việc thực hiện đầy đủ và nâng cao khả năng thụ hưởng các quyền trẻ em. Dịch bệnh, thiên tai và những thay đổi của chính trị quốc tế tiềm ẩn nguy cơ đe dọa việc làm của nhiều gia đình Việt Nam nói chung, ở Đà Nẵng nói riêng và tất yếu tiềm ẩn nguy cơ trẻ em phải lao động sớm, lạm dụng lao động trẻ em bùng phát nên việc coi trọng phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em cần đặc biệt coi trọng. Qua phân tích đánh giá về tình hình bảo vệ, chăm sóc trẻ em và phòng, chống lạm dụng lao động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng muốn hạn chế những bất cập, thiếu sót trong phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em ở Việt Nam nói chung và ở thành phố Đà Nẵng nói riêng thì cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, giải pháp hoàn thiện pháp luật, mà trọng tâm là chú trọng và các quy định của Luật Bảo vệ và chăm sóc trẻ em theo hướng phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế về bảo đảm quyền của trẻ em có HCĐB và các quy định về quyền con người và quyền trẻ em trong Hiến pháp 2013 của Việt Nam.

Thứ hai, tăng cường chính sách xã hội đối với trẻ em có HCĐB, Nhà nước cần có những chính sách an sinh xã hội phù hợp trong giai đoạn hiện nay. Đa dạng hóa việc vận động nguồn lực từ các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các tổ chức trong nước và quốc tế cho việc thực hiện chương trình; khuyến khích các tổ chức, cá nhân hỗ trợ nguồn lực để thực hiện các hoạt động bảo vệ trẻ em.

Thứ ba, cần tăng cường các yếu tố bảo đảm quyền của trẻ em, xây dựng và củng cố hệ thống bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có HCĐB, từng bước đảm bảo các điều kiện cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em từ khâu phòng ngừa, giảm thiểu nguy cơ trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt đến việc trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển.

Thứ tư, nâng cao sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội để trẻ em được quan tâm đầy đủ về cả vật chất và tinh thần, bảo đảm cho trẻ em có HCĐB phát triển tốt cả về thể lực và trí lực.

Thứ năm, cần cải cách hệ thống giám sát, phát hiện hành vi lạm dụng lao động trẻ em của Thành phố để chống kịp thời hành vi này ở các doanh nghiệp, gia đình.

KẾT LUẬN

Trẻ em là niềm hạnh phúc của gia đình và tương lai của đất nước. Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta với mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là do con người, cho con người và vì con người, trong đó những ưu tiên cho trẻ em chiếm vị trí hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chính vì thế, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nói chung, phòng và chống lạm dụng lao động trẻ em nói riêng là mục tiêu và sự nghiệp của toàn dân.

Việc bảo đảm các quyền của trẻ em đã được Nhà nước ta triển khai thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức và với sự ràng buộc trách nhiệm của nhiều chủ thể khác nhau nhằm góp phần quan trọng trong việc bảo đảm và thúc đẩy các quyền của trẻ em. Thời gian qua, Nhà nước ta không chỉ dừng lại ở việc ban hành pháp luật mà còn tổ chức nhiều hoạt động thiết thực khác thông qua chương trình hành động quốc gia vì trẻ em, tiếp tục ra sức dành sự quan tâm về mọi mặt và đầu tư cao hơn cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Các hoạt động này đã góp phần cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống của trẻ em có HCDB, đồng thời góp phần phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em hiệu quả.

Nền kinh tế thị trường và sự hội nhập đã mở ra cho chúng ta nhiều cơ hội, đồng thời cũng đưa đến cho chúng ta nhiều thách thức mới đối với công tác bảo đảm quyền của trẻ em, đặc biệt tình trạng lạm dụng lao động trẻ em. Các hiện tượng tiêu cực như trẻ em phải bỏ học để kiếm sống, lạm dụng sức lao động trẻ em, trẻ em sa vào các tệ nạn xã hội, trẻ em vi phạm pháp luật, ... có xu hướng gia tăng, trở thành mối lo ngại của gia đình, nhà trường và xã hội.

Chính vì thế, qua thực trạng đánh giá các biện pháp phòng, chống lạm dụng lao động ở nước ta hiện nay, vấn đề cấp thiết đặt ra là phải đổi mới hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội, các thiết chế xã hội cả về nhận thức, về nội dung, hình thức và phương pháp thực hiện, bảo đảm các quyền của trẻ em và phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em.

Trẻ em là mầm non tương lai, các em xứng đáng được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh. Vì vậy, cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể; đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; qui định rõ vai trò, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan

Nhà nước, các tổ chức xã hội, thiết chế xã hội trong việc phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em, tạo điều kiện tốt nhất để trẻ em phát triển về trí tuệ, nhân cách và thể lực.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn bản pháp luật

1. Quốc hội, Hiến pháp năm 2013
1. Quốc hội, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)
3. Quốc hội, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015
4. Quốc hội, Bộ luật Dân sự năm 2015
5. Quốc hội, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)
6. Quốc hội, Bộ luật Lao động năm 2012
7. Quốc hội, Luật Trẻ em năm 2016
8. Quốc hội, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012
9. Quốc hội, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014
10. Quốc hội, Luật Hộ tịch năm 2014
11. Quốc hội, Luật Nuôi con nuôi năm 2010
12. Quốc hội, Luật giáo dục năm 2019
13. Quốc hội, Luật Quốc tịch năm 2008
14. Quốc hội, Luật Thi hành án dân sự năm 2019
15. Quốc hội, Luật Người khuyết tật năm 2010
16. Quốc hội, Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006
17. Quốc hội, Luật Mặt trận tổ quốc Việt Nam 2015
18. Bộ Tư pháp, Thông tư 15/2015/TT-BTP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch
19. Chính phủ, Nghị định số 56/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em
19. Chính phủ, Nghị định 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch
21. Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công An – Bộ Quốc phòng – Bộ Tư pháp Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP hướng dẫn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi mua bán người, mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em

B. Tài liệu tham khảo tiếng Việt

22. Lã Văn Bằng (2019), Thực hiện pháp luật về bảo vệ trẻ em ở Việt Nam hiện nay

22. Cục Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em (2012), Tài liệu tập huấn công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, NXB Lao động Xã hội

23. Trần Đức Châm (2013), Công tác xã hội với trẻ em làm trái pháp luật

24. Phạm Quang Hòa (2016), Bảo đảm quyền được giáo dục của trẻ em – Thực tiễn tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

25. Nguyễn Thị Hồng Loan (2011), Vấn đề bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam – Thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Nam

26. Hồ Chí Minh (2000), Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội,

25. Lê Thị Nga (2015), Bảo vệ quyền trẻ em bằng hệ thống tư pháp hình sự ở Việt Nam

27. Lương Thị Hoài Thương (2009), Vấn đề bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam – thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Bình

28. Tăng Thị Thu Trang (2016), Quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay

29. Từ điển luật học (1999), NXB Từ điển bách khoa

30. Trung tâm nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2009), Giáo trình Quyền trẻ em, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

31. Quyền trẻ em (2010), Tài liệu tập huấn cho giảng viên trường chính trị tỉnh, thành phố, NXB Tư pháp

32. Nguyễn Như Ý (2008), Đại từ điển Tiếng Việt, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

34. Báo cáo kết quả công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2016 - 2019 của UBND thành phố Đà Nẵng

C. Tài liệu tham khảo nước ngoài

35. Jay N. Giedd, Jonathan Blumenthal et al, Neal O. Jeffries, 'Brain Development during Childhood and Adolescence: A Longitudinal MRI Study, https://www.researchgate.net/publication/12807832_Brain_Development_during_Childhood_and_Adolescence_A_Longitudinal_MRI_Study/link/0046351b08eef02d5a000000/download>

D. Các website tham khảo

36. Unicef.org, Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em năm 1989

37. Unicef.org, Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em năm 1959

38. <http://baochinhphu.vn/Thoi-su/Nhung-buoc-tien-dai-trong-thuc-hien-quyen-tre-em-o-Viet-Nam/380165.vgp>

39. <https://baomoi.com/dua-luat-tre-em-vao-cuoc-song-tre-em-duoc-bao-ve-cham-soc-toan-dien-hon/c/26684686.epi>

40. <http://tuphaptamky.gov.vn/2014/news/Tu-phap/Mot-so-bat-cap-cua-Luat-Tre-em-nam-2016-4217.html>